

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HS-ST

Ngày 23/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hiểu.

Ông Phạm Mã Siêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Việt Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2023/HSST ngày 02 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định xét xử số 42/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023, đối với bị cáo:

Phạm Quang T, sinh ngày 20/7/1981. Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn MD, xã ĐT, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Lương Thị S; bị cáo có vợ là Trần Thị Ngát và có 03 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: 1 (Quyết định số 04/QĐ-XPHC ngày 19/9/2022 của Ủy ban nhân dân xã ĐX xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng đối với Phạm Quang T về hành vi Trộm cắp tài sản); nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó nghỉ học. Tháng 3/2002, tham gia nghĩa vụ quân sự, đóng quân tại K866, Cục quân khí, đến tháng 1/2004 xuất ngũ về địa phương lao động tự do. Bản án số 02/2010/HSST ngày 12/01/2010 Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 1 năm 3 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 2 năm 6 tháng về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Bị cáo chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 26/02/2010. Bản án số 173/2011/HSST ngày 06/5/2011 Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố H xử phạt 28 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng

hợp hình phạt với Bản án số 02/2010/HSST ngày 12/01/2010 Tòa án nhân dân huyện T1, buộc Phạm Quang T phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 43 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 28/01/2014; chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 06/7/2011. Bản án số 287/2016/HSST ngày 30/11/2016 Tòa án nhân dân quận L, thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 29/8/2017; chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 19/3/2018; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/02/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T1, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh Bùi Văn S, sinh năm 1977, trú tại Thôn NC, xã ĐM, huyện T1, tỉnh T2 (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Trần Văn Ch, sinh năm 1982, trú tại Thôn ĐC, xã TT; chị Trần Thị Nguyệt, sinh năm 1982, trú tại Thôn MD, xã ĐT, đều thuộc huyện T1, tỉnh T2 (đều vắng mặt).

- **Những người làm chứng:**

Chị Trần Thị H1, sinh năm 1980, trú tại thôn Thôn NC, xã ĐM; bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1964, trú tại Thôn Th, xã TL, đều thuộc huyện T1, tỉnh T2 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần tiền tiêu xài cá nhân, khoảng 13 giờ 00 ngày 13/02/2023, Phạm Quang T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu đỏ - đen - bạc, Biển kiểm soát: XYZ đi từ nhà ở thôn MD, xã ĐT, huyện T1 đến xã ĐM, huyện T1 mục đích xem có nhà ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi qua cổng làng thôn NC, xã ĐM được khoảng 500m, Tiến phát hiện nhà anh Bùi Văn S ở phía bên tay phải đường theo chiều đi không khóa cổng. T dựng xe phía trước cổng rồi đi lại gần cửa xếp, quan sát trong nhà anh S không có người, T đi thẳng qua khu vực chuồng cạp, mở cửa kính phòng khách rồi đi vào bên trong tìm kiếm tài sản. Phát hiện 02 chiếc điện thoại di động của anh Bùi Văn S đang để trên chiếc ghế ngồi bên tay phải (gồm có: 1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamsungGalaxy Note10 Lite5G màu bạc, dung lượng 128 Gb, trị giá 4.300.000 đồng và 1 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno8 5 Gb màu xanh, dung lượng 256 Gb, trị giá 9.441.000 đồng), T dùng tay cầm 02 chiếc điện thoại đút vào túi áo khoác bên trái đang mặc rồi đi lên xe mô tô điều khiển đi đến cửa hàng sửa chữa và mua bán điện thoại di động Trần Ch có địa chỉ tại tổ dân phố TH, thị trấn T1, huyện T1 của anh Trần Văn Ch, sinh năm 1982, trú tại thôn ĐC, xã TT, huyện T1. Tiến vào gặp anh Ch hỏi “Anh có mua điện thoại không”, anh Ch trả lời “có”. Tiến lấy trong túi áo khoác bên ngoài ra chiếc điện thoại SamsungGalaxy Note10 Lite5G màu bạc đưa cho anh Ch xem và nói đây là điện

thoại của T, T không còn nhu cầu sử dụng nên bán thì anh Ch đồng ý mua với giá 900.000 đồng. Sau đó T đi vào quán của bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1964, trú tại thôn Th, xã TL, huyện T1 ở khu vực cổng Ủy ban nhân dân huyện T1 để uống nước, tại đây T gặp một người thanh niên khoảng 25 tuổi (không rõ họ tên, địa chỉ) đang ngồi trong quán. T hỏi người thanh niên “em có mua điện thoại không”, người này hỏi “điện thoại gì anh”. T lấy chiếc điện thoại Oppo Reno 8 5G màu xanh đưa cho người thanh niên này xem và trả giá T 900.000 đồng. T đồng ý bán rồi cầm số tiền 1.800.000 đồng có được từ việc bán 02 chiếc điện thoại di động trộm cắp mang đi tiêu xài hết.

Quá trình điều tra bị cáo Phạm Quang T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại Cáo trạng số 53/CT-VKSTH ngày 31/5/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố bị cáo Phạm Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Quang T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Quang T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

Bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T đều khai nhận: Khoảng 13 giờ 30 ngày 13/02/2023, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản, Phạm Quang T đã lẻn vào nhà anh Bùi Văn S sinh năm 1977, trú tại thôn NC, xã ĐM, huyện T1, tỉnh T2 trộm cắp của anh S 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamsungGalaxy Note10 Lite5G màu bạc trị giá 4.300.000 đồng và 1 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno8 5 Gb màu xanh trị giá 9.441.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp của anh S là 13.741.000 đồng.

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp và được chứng minh bằng: Sơ đồ và biên bản khám nghiệm hiện trường; Các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại; Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Như vậy, vào chiều ngày 13/02/2023, Phạm Quang T đến nhà anh Bùi Văn S, sinh năm 1977, trú tại thôn NC, xã ĐM, huyện T1, tỉnh T2 trộm cắp của anh S 02 điện thoại di động có tổng giá trị tài sản là 13.741.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo Phạm Quang T đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố bị cáo Phạm Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Phạm Quang T là người nghiện ma túy, đã có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong nhân dân. Bị cáo Phạm Quang T đã có tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, đã bị xử phạt tù 03 lần về các hành vi Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, Tàng trữ trái phép chất ma túy, Trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục riêng với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3.1] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Quang T thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy bị cáo là người lao động tự do, không có công việc, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là anh Bùi Văn S yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh S chiếc điện thoại Oppo Reno8 5 Gb màu xanh mà Tiến trộm cắp, chiếc điện thoại trên Cơ quan điều tra không truy tìm được, vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh S trị giá chiếc điện thoại là 9.441.000 đồng.

Anh Trần Văn Ch yêu cầu Tiến phải bồi thường cho anh số tiền 900.000 đồng là tiền anh Ch bỏ ra để mua lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamsungGalaxy Note10 Lite5G, xét thấy khi mua điện thoại, anh Ch không biết là tài sản trộm cắp do vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Ch số tiền 900.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã quản lý và trả lại số tài sản gồm: 1 điện thoại di động nhãn hiệu SamsungGalaxy Note10 Lite5G cho bị hại là anh Bùi Văn S; 1 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, Biển kiểm soát: xyz cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Nguyệt, là các chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno8 5 Gb màu xanh, dung lượng 256 Gb, T khai đã bán cho 01 người đàn ông khoảng 25 tuổi không biết tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không quản lý được.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Quang T 01 (một) năm 09 (chín)

tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/02/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Phạm Quang T phải bồi thường cho anh Bùi Văn S, sinh năm 1977, trú tại Thôn NC, xã ĐM, huyện T1, tỉnh T2 số tiền là 9.441.000 đồng (Chín triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Phạm Quang T phải bồi thường cho Trần Văn Ch, sinh năm 1982, trú tại Thôn ĐC, xã TT số tiền là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 trả lại các tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Phạm Quang T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 517.000 đồng án phí dân sự trong hình sự.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 23/6/2023; bị hại có quyền kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh T2;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T2;
- Sở Tư pháp tỉnh T2;
- VKSND huyện T1;
- CA huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền

